

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGŨ HÙNG**

Số: 02/TB-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ngũ Hùng, ngày 10 tháng 4 năm 2023

THÔNG BÁO

**Về việc niêm yết công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã của
UBND xã Ngũ Hùng Quý I năm 2023**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số: 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;
Luật sửa đổi bổ sung 1 số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền
địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số: 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định
chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng
dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số: 03/NQ-HĐND ngày 06/01/2023 của Hội đồng nhân dân xã
Ngũ Hùng về dự toán ngân sách và phân bổ ngân sách xã năm 2023;

Ủy ban nhân dân xã Ngũ Hùng thông báo về việc niêm yết công khai số liệu thực
hiện dự toán ngân sách xã Quý I năm 2023 gồm:

- Cân đối ngân sách xã Quý I năm 2023 (Theo biểu số 113/CK TC-NSNN)
- Ước thực hiện thu ngân sách xã Quý I năm 2023 (Theo biểu số 114/CK TC-NSNN)
- Ước thực hiện chi ngân sách xã Quý I năm 2023 (Theo biểu số 115/CK TC-NSNN)

*** Hình thức và thời gian công khai:**

Niem yết công khai tại Trụ sở làm việc UBND xã Ngũ Hùng ít nhất trong thời hạn
30 ngày, kể từ ngày niêm yết.

Thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã

Thông báo bằng văn bản cho Đảng ủy, các tổ chức chính trị - xã hội, trường các
thôn.

Trên đây là nội dung niêm yết công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã Quý
I năm 2023.

Trong thời gian niêm yết công khai nếu đại biểu, cử tri và nhân dân trên địa bàn có ý
kiến thắc mắc đề nghị phản ánh về UBND xã để kịp thời có phương án giải quyết.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND - UBND xã;
- Trưởng các ngành, đoàn thể;
- Trưởng các thôn;
- Lưu: VP.



Vũ Văn Lùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGŨ HÙNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/QĐ-UBND

Ngũ Hùng, ngày 10 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai thực hiện dự toán ngân sách xã
của UBND xã Ngũ Hùng, Quý I năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGŨ HÙNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;
Căn cứ Nghị quyết số: 03/NQ-HĐND ngày 06/01/2023 của Hội đồng nhân dân xã Ngũ Hùng về dự toán ngân sách và phân bổ ngân sách xã năm 2023;
Xét đề nghị của Công chức Tài chính - Kế toán về công khai thực hiện dự toán ngân sách xã của UBND xã Ngũ Hùng, Quý I năm 2023;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, công khai thực hiện dự toán ngân sách xã của UBND xã Ngũ Hùng, Quý I năm 2023;
(Theo các biểu kèm theo Quyết định này).

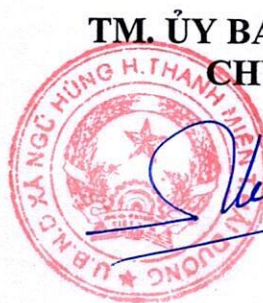
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND-UBND xã; Tài chính - Kế toán, các ban, ngành có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính - KH huyện;
- Thường vụ Đảng ủy xã
- Thường trực HĐND xã;
- Như Điều 3.
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Lùng



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2023

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023	Ước thực hiện Quý I năm 2023	So sánh (%)
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NĂM 2022	7.914.981.524	1.942.674.440	24,54
I	CÁC KHOẢN THU HƯỞNG 100%	252.000.000	4.288.400	1,70
1	Phí và lệ phí	40.000.000	2.780.000	6,95
2	Thu từ quỹ đất CI & HLCS			
	<i>Thu HLCS từ quỹ đất công ích và đất công</i>	<i>175.000.000</i>	<i>0</i>	<i>-</i>
	<i>Thu hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất</i>		<i>0</i>	
3	Thu từ hoạt động KT và SN			
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	7.000.000	1.500.000	21,43
5	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			
6	Thu khác	30.000.000	8.400	0,03
II	CÁC KHOẢN THU HƯỞNG THEO TỶ LỆ %	2.503.000.000	111.681.516	4,46
1	Các khoản thu phân chia	181.000.000	47.453.518	26,22
1.1	Thuế đất phi nông nghiệp (100%)	44.000.000	742.500	1,69
1.2	Lệ phí môn bài từ cá nhân hộ kinh doanh (100%)	11.000.000	9.900.000	90,00
1.3	Thuế thu nhập cá nhân (xã 80%; TT 50%)	36.000.000	34.104.018	94,73
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất (100%)	90.000.000	2.707.000	3,01
2	Các khoản thu phân chia khác do tỉnh quy định	2.322.000.000	64.227.998	2,77
2.1	<i>Tiền cấp quyền sử dụng đất</i>	<i>2.250.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
2.2	<i>Thuế GTGT, TNDN</i>	<i>72.000.000</i>	<i>64.227.998</i>	<i>89,21</i>
III	THU CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH	526.704.524	526.704.524	
IV	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH NĂM TRƯỚC			
V	THU BỔ SUNG CHI THƯỜNG XUYÊN	4.633.277.000	1.300.000.000	28,06
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	4.494.978.000	1.300.000.000	28,92
2	Thu bổ sung có mục tiêu	0	-	
3	Dự phòng ngân sách	138.299.000		



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2023

Đơn vị: Đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH (%)
TỔNG SỐ THU	7.914.981.524	1.942.674.440	24,54
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	252.000.000	4.288.400	1,70
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	2.503.000.000	111.681.516	4,46
III. Thu bổ sung	4.633.277.000	1.300.000.000	28,06
- Bổ sung cân đối	4.633.277.000	1.300.000.000	28,06
- Bổ sung có mục tiêu	0		
IV/ Thu chuyển nguồn ngân sách	526.704.524	526.704.524	100,00
TỔNG SỐ CHI	7.388.277.000	1.122.129.661	15,19
I. Chi đầu tư phát triển	2.250.000.000	0	0,00
II. Chi thường xuyên	4.999.978.000	1.122.129.661	22,44
III. Dự phòng	138.299.000		

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2023

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I NĂM 2023			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	7.914.981.524	2.250.000.000	5.664.981.524	1.122.129.661	0	1.122.129.661	14,18	0,00	19,81
1	Chi DQ tự vệ, trật tự an toàn XH	534.306.400		534.306.400	102.346.785		102.346.785	19,16		19,16
	<i>Trong đó : Chi Quốc phòng</i>	334.656.400		334.656.400	60.114.285		60.114.285	17,96		17,96
	<i>Chi an ninh</i>	199.650.000		199.650.000	42.232.500		42.232.500	21,15		21,15
2	Chi sự nghiệp giáo dục	2.880.000		2.880.000	720.000		720.000	25,00		25,00
3	Chi sự nghiệp y tế	21.907.000		21.907.000	0			0,00		0,00
4	Chi sự nghiệp văn hóa, Đài TT	67.691.600	0	67.691.600	25.429.400	0	25.429.400	37,57		37,57
	<i>Chi sự nghiệp văn hóa</i>	30.000.000		30.000.000	19.910.000		19.910.000	66,37		66,37
	<i>Chi sự nghiệp Đài TT</i>	37.691.600		37.691.600	5.519.400		5.519.400	14,64		14,64
5	Chi sự nghiệp TDTT	10.000.000		10.000.000	0			0,00		0,00
6	Chi sự nghiệp kinh tế	89.942.000	0	89.942.000	4.917.000	0	4.917.000	5,47		5,47
	<i>Trong đó : Chi sự nghiệp giao thông</i>	28.704.000		28.704.000	0			0,00		0,00
	<i>Chi SN thú y, nông, lâm, TL</i>	61.238.000		61.238.000	4.917.000		4.917.000	8,03		8,03
7	Chi sự nghiệp Môi trường	35.599.000		35.599.000	0		0	0,00		0,00
8	Chi sự nghiệp xã hội	570.982.200	0	570.982.200	171.654.300	0	171.654.300	30,06		30,06
	<i>Lương hưu và trợ cấp BHXH</i>	413.982.200		413.982.200	93.254.300		93.254.300	22,53		22,53
	<i>Chính sách & hoạt động phục vụ người có công với CM</i>	130.000.000		130.000.000	78.400.000		78.400.000	60,31		60,31

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I NĂM 2023			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	<i>Chính sách & hoạt động phục vụ các DT BTXH và các đối tượng khác</i>	27.000.000		27.000.000	0			0,00		0,00
9	Chi QL Nhà nước, Đảng & các Đoàn thể	6.357.452.224	2.250.000.000	4.107.452.224	800.887.176	0	800.887.176	12,60	0,00	19,50
	Chi hoạt động QLNN	4.754.726.824	2.250.000.000	2.504.726.824	471.148.595		471.148.595	9,91	0,00	18,81
	Chi hoạt động Đảng CSVN	781.383.700		781.383.700	188.260.928		188.260.928	24,09		24,09
	Chi hoạt động MTTQ	285.966.000		285.966.000	50.389.839		50.389.839	17,62		17,62
	Chi hoạt động Đoàn TN	146.402.000		146.402.000	22.530.314		22.530.314	15,39		15,39
	Chi hoạt động Hội PN	139.591.300		139.591.300	28.202.583		28.202.583	20,20		20,20
	Chi hoạt động Hội CCB	86.352.000		86.352.000	13.040.700		13.040.700	15,10		15,10
	Chi hoạt động Hội ND	163.030.400		163.030.400	27.314.217		27.314.217	16,75		16,75
10	Chi khác	85.922.100		85.922.100	16.175.000		16.175.000	18,83		18,83
11	Dự phòng ngân sách xã	138.299.000		138.299.000	0			0,00		0,00



PHỤ LỤC 4

HỆ THỐNG MẪU BIỂU CÔNG KHAI NGÂN SÁCH XÃ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC Ở XÃ NGŨ HÙNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách)

PHẦN 01: DANH MỤC BIỂU SỐ LIỆU CÔNG KHAI		
1. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã quý I		
Biểu số 113/CK TC-NSNN:		Cân đối ngân sách xã quý I năm 2023
Biểu số 114/CK TC-NSNN:		Ước thực hiện thu ngân sách xã quý I năm 2023
Biểu số 115/CK TC-NSNN:		Ước thực hiện chi ngân sách xã quý I năm 2023
PHẦN 02: QUYẾT ĐỊNH CÔNG KHAI		
QĐ số 13/QĐ-UBND ngày 10/4/2023		Quyết định về việc công bố công khai thực hiện dự toán ngân sách xã của UBND xã Ngũ Hùng Quý I năm 2023